

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **178/2021/DSPT**

Ngày: 12/5/2021

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Thẩm phán:*

1. Bà **Lâm Ngọc Tuyên**.

2. Bà **Nguyễn Thanh Nhân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Liêm**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thắm**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **12** tháng **5** năm **2021**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLPT-DS ngày 05/4/2021 về tranh chấp: “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 393, tổ 10, ấp PH, xã PT, thành phố X, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1966 (có mặt).

Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1974. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 429 ấp PH, xã PT, thành phố X, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 429 ấp PH, xã PT, thành phố X, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

* *Người kháng cáo:* Bị đơn **Nguyễn Văn L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Do quen biết, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị H mượn nhiều lần số tiền 87.500.000 đồng để lo cho các con ăn học, đến ngày 15/11/2013 (âm lịch), giữa bà và ông L, bà H có tổng kết lại ông L, bà H có ký tên vào giấy nợ. Ông L, bà H xin trả dần mỗi tháng 3.500.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 14/12/2013 (âm lịch) đến tháng 9/2014 (âm lịch); ông L và bà H đã trả được số tiền 35.000.000 đồng thì ngưng không trả tiếp. Nay bà D yêu cầu ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị H phải trả cho bà số tiền còn thiếu là 52.200.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 24/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền còn thiếu 52.500.000 đồng của Biên nhận nợ ngày 15/11/2013 (âm lịch) ông không đồng ý. Ông thừa nhận ông và bà vợ ông là bà Phan Thị H có ký tên vào biên nhận nợ trên nhưng số tiền 87.500.000 đồng là tiền hui mà bà D đã đóng thay cho vợ chồng ông chứ không phải tiền mượn. Sau khi viết biên nhận nợ ngày 15/11/2013 (âm lịch) vợ chồng ông đã trả 35.000.000 đồng. Năm 2015, vợ chồng ông bán đất, vợ ông đã đem số tiền còn thiếu 52.500.000 đồng trả tận tay bà D xong nhưng do tin tưởng lẫn nhau nên bà H không yêu cầu bà D trả lại biên nhận chính. Nay bà D kiện đòi vợ chồng ông phải trả cho bà số tiền 52.500.000 đồng, ông không đồng ý.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của bà Phan Thị H là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn L, số tiền nợ mà ông L, bà H đã nợ bà D trước đây đã trả xong nhưng tin tưởng bà D nên không lấy lại biên nhận chính. Nay bà D khởi kiện yêu cầu ông L, bà H phải trả số tiền 52.500.000 đồng, chị đại diện ủy quyền của bà D không đồng ý trả vì sau khi bán đất bà H, ông L đã trả xong.

Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 227, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 52.500.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị H chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 04 tháng 01 năm 2021, bị đơn Nguyễn Văn L kháng cáo không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 52.500.000 đồng vì bà D cố tình sửa đổi làm sai lệch trong giấy biên nhận; bà D cho rằng thời điểm từ ngày 14/12/2013 đến tháng 9/2015 vợ chồng

ông có đóng cho bà D được 35.000.000 đồng, bà D có ghi vào sổ nên yêu cầu bà D cung cấp các chứng từ trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông L cho rằng số tiền 52.500.000 đồng bà Nguyễn Thị D đã trừ vào sổ tiền hụi.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định pháp luật và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Văn L kháng cáo nhưng ông không cung cấp chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Văn L thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phan Thị H, đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bản án sơ thẩm nhận định cho rằng: Bị đơn Nguyễn Văn L và đại diện ủy quyền của bà Phan Thị H là chị Nguyễn Thị H thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị D số tiền 87.5000.000 đồng và thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 15/11/2013 (âm lịch), nhưng cho rằng đã trả được cho bà D số tiền 35.000.000 đồng và đến năm 2015, sau khi bán đất thì bà H đã đem tiền trả hết cho bà D nhưng không yêu cầu bà D trả lại biên nhận bản chính, nên không đồng ý trả cho bà D số tiền 52.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L và đại diện ủy quyền của bà H là chị Nguyễn Thị H không đưa ra được chứng cứ, chứng minh. Từ đó, bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị H trả cho bà D số tiền 52.500.000 đồng, là có căn cứ, phù hợp qui định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Văn L cho rằng số tiền 52.500.000 đồng đã được bà Nguyễn Thị D trừ vào tiền hụi, đồng thời ông L cũng cho rằng nếu vợ chồng ông không trả cho bà Nguyễn Thị D hết số tiền 87.500.000 đồng thì làm gì bà D cho vợ chồng ông tham gia chơi hụi; nếu vợ chồng ông không trả nợ thì tại sao đến nay bà Nguyễn Thị D khởi kiện tại Tòa án.

[4] Bà Nguyễn Thị D xác định số tiền 52.500.000 đồng là số tiền ông L, bà H mượn, không có liên quan gì đến tiền hụi; hiện nay bà đang khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn L để yêu cầu trả tiền nợ hụi; đồng thời bà D cũng cho rằng đến nay bà mới khởi kiện ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị H để đòi số tiền 52.500.000 đồng là do bà Phan Thị H có thương lượng với bà về thời gian trả nợ, nhưng do ông Nguyễn Văn L thách thức bà đi kiện, nên bà mới khởi kiện ông L, bà H trả số tiền còn nợ là 52.500.000 đồng.

[5] Xét, lời trình bày của ông Nguyễn Văn L trước sau không thống nhất, ở giai đoạn sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L cho rằng năm 2015, sau khi bán đất đã trả số tiền 52.500.000 đồng, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cho rằng số tiền 52.500.000 đồng bà D đã trừ vào tiền hui, nhưng ông L không xác định được bà D trừ vào dây hui nào, trừ tiền hui của bao nhiêu dây hui, ông L cũng thừa nhận ông không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của ông. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, là không có căn cứ.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 166 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 105/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004692 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên xem như nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị H phải nộp 2.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị D số tiền 1.313.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002270 ngày 22/10/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, án văn.

DSPT-2021-Tâm

Lê Thị Hồng Tâm